

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 582/BNN-KTHT
V/v hướng dẫn phân bổ nguồn vốn
TPCP thực hiện Chương trình MTQG
xây dựng nông thôn mới năm 2014

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ Nghị quyết số 65/2013/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội khóa XIII về phát hành bổ sung và phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016;

Căn cứ Quyết định số 195/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phân bổ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới như sau:

I. VỀ PHÂN BỐ VỐN TPCP NĂM 2014

1. Tổng mức vốn TPCP giao cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo phụ lục đính kèm Quyết định số 131/QĐ-BKHĐT ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

(Không bố trí vốn TPCP cho các tỉnh, thành phố có mức điều tiết ngân sách về Trung ương trên 50%).

2. Việc xác định tổng mức vốn giao tuân thủ theo Điều 2 của Quyết định số 195/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, mức giao bình quân 03 năm cho:

- Xã thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại mục a, b là 2,5 tỷ đồng/xã. Trong đó các xã chỉ đạo điểm của Trung ương gồm: xã Thanh Chấn (tỉnh Điện Biên), xã Tân Thịnh (tỉnh Bắc Giang), xã Hải Đường (tỉnh Nam Định), xã Gia Phố (tỉnh Hà Tĩnh), xã Tam Phước (tỉnh Quảng Nam), xã Tân Hội (tỉnh Lâm Đồng), xã Tân Lập (tỉnh Bình Phước), xã Định Hòa (tỉnh Kiên Giang), xã Mỹ Long Nam (tỉnh Trà Vinh), xã Hòa An (tỉnh Đồng Tháp), xã Tân Trào (tỉnh

Tuyên Quang), xã Vĩnh Thạnh (tỉnh Quảng Trị), xã Mường Chanh (tỉnh Thanh Hóa), xã Trường Hà (tỉnh Cao Bằng);

- Xã thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại mục c (là các xã đến tháng 9/2013 đã đạt 13 tiêu chí, đã đăng ký và có khả năng đạt 19 tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2014-2016) là 1,8 tỷ đồng/xã;

- Xã còn lại là 1,1 tỷ đồng/xã (với các tỉnh có điều tiết ngân sách về Trung ương dưới 50% thì các xã loại này được hỗ trợ bằng 50%);

3. Vốn TPCP được giao bình quân cho xã trong 3 năm, trong kế hoạch năm 2014, căn cứ vào điều kiện và yêu cầu xây dựng nông thôn mới của địa phương, các tỉnh, thành phố cần xây dựng phương án phân bổ cụ thể đảm bảo trong thời gian 2014-2016, xã nào cũng được hưởng chính sách theo Quyết định của Chính phủ nhưng cần ưu tiên trước cho các xã đã có Đề án hoặc dự án phù hợp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, có điều kiện và khả năng huy động thêm các nguồn lực khác để thực hiện Đề án, Dự án. Tránh tình trạng chia đều bình quân, dẫn đến phân tán vốn, không tập trung được nguồn lực. Các xã điểm khi đạt chuẩn nông thôn mới thì không tiếp tục hỗ trợ.

UBND tỉnh, thành phố cần giao cho Văn phòng Điều phối hoặc Ban quản lý xây dựng nông thôn mới của tỉnh phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng kế hoạch phân bổ cụ thể trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định để kịp thời thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

4. Vốn TPCP chỉ hỗ trợ một phần để tạo động lực, các địa phương cần bổ sung thêm nguồn lực từ ngân sách địa phương, có cơ chế, chính sách để huy động sự đóng góp của người dân và các thành phần kinh tế - xã hội khác để tăng nguồn lực cho thực hiện Chương trình.

II. CƠ CHẾ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN TPCP

1. Vốn TPCP bố trí để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã theo đúng đối tượng của Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn từ nguồn trái phiếu Chính phủ cho Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới được thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới;

3. Cơ chế sử dụng và quản lý vốn trái phiếu Chính phủ được thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 và các văn bản hướng dẫn hiện hành của các Bộ, ngành có liên quan.

III. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO:

1. Báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán vốn TPCP thực hiện Chương trình năm 2014 của các địa phương (*Theo Biểu mẫu số 01/TH đính kèm*):

- Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*cơ quan thường trực Chương trình*), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;

- Thời gian báo cáo: trước ngày 28 tháng 02 năm 2014;

2. Báo cáo, cập nhật tình hình thực hiện kế hoạch vốn Trái phiếu Chính phủ thực hiện Chương trình (*Theo Biểu mẫu số 02/TH đính kèm*):

- Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*cơ quan thường trực Chương trình*), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;

- Thời gian báo cáo: hàng quý (thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng) trước ngày 10 tháng sau. Báo cáo năm (12 tháng) báo cáo trước ngày 10 tháng 01 năm sau.


3. Áp dụng thống nhất hệ thống cơ sở dữ liệu trực tuyến của Trung ương theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thường xuyên cập nhật, theo dõi, giám sát tiến độ triển khai nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

Trong quá trình triển khai thực hiện nguồn vốn trái phiếu Chính phủ theo hướng dẫn trên đây, nếu có vướng mắc, địa phương kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu và kịp thời có giải pháp tháo gỡ.!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Cao Đức Phát (để b/c);
- Các Bộ: TC, KH&ĐT;
- Ban chỉ đạo Trung ương;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Điều phối các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, KTHT (230b)

KT. BỘ TRƯỞNG
PHẦN TRƯỞNG



Trần Thanh Nam

**BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN BỐ, GIAO DỰ TOÁN VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2014**

| TT | Tên đơn vị hành chính | Đối tượng ưu tiên | Nội dung thực hiện | Kế hoạch thực hiện năm 2014 | Thời gian thực hiện | Vốn TPCP được giao năm 2014 (Triệu đồng) | Dự kiến tiêu chí đạt được trong năm 2014 | Ghi chú |
|----|-----------------------|-------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------|---|--|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| | TỔNG CỘNG | | | | | | | |
| I | Tên huyện..... | | | | | | | |
| | Tên xã..... | | | | | | | |
| | Tên xã..... | | | | | | | |
| | Tên xã..... | | | | | | | |
| | Tên xã..... | | | | | | | |
| | Tên xã..... | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

Ghi chú:**1. Đối tượng ưu tiên (Cột số 3):**

- Nếu xã thuộc đối tượng ưu tiên được quy định tại điểm a, b khoản 2, Điều 2 của Quyết định số 195/QĐ-TT ngày 25/01/2014 thì đánh số 1;
- Nếu xã thuộc đối tượng ưu tiên được quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 2 của Quyết định số 195/QĐ-TT ngày 25/01/2014 thì đánh số 2;
- Các xã không thuộc các đối tượng trên thì không đánh số và ghi rõ vào cột Ghi chú (cột số 11);

2. Nội dung thực hiện (Cột số 4): Tên hạng mục công trình, dự án, tên tiêu chí (giao thông, thủy lợi, chợ, trường học....) thực hiện trên địa bàn xã;**3. Kế hoạch thực hiện (Cột số 5):** Khối lượng thực hiện từng nội dung trong năm 2014.

**BÁO CÁO CẬP NHẬT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2014**
(Tính đến hết ngày..... tháng.....năm.....)

| TT | Tên huyện, xã | Đối tượng ưu tiên | Nội dung thực hiện | Tổng mức đầu tư (Triệu đồng) | | | | Thời gian thực hiện | Vốn TPCP được giao năm 2014 | Lũy kế giá trị khởi đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo | Vốn TPCP đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Triệu đồng) | | Lũy kế vốn TPCP thanh toán từ KC đến kỳ báo cáo | Số vốn còn lại chưa giải ngân (Triệu đồng) | | Tiêu chí NTM thực hiện hoặc đã hoàn thành | Ghi chú |
|----|----------------|-------------------|--------------------|------------------------------|------------|------------|------------|---------------------|-----------------------------|--|---|------|---|--|------|---|---------|
| | | | | Tổng số | Nguồn TPCP | Nguồn NSDP | Nguồn khác | | | | Tổng số | TPCP | | Tổng số | TPCP | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 |
| | TỔNG CỘNG | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I | Tên huyện..... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I | Tên xã..... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Tên xã..... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Tên xã..... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Tên xã..... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú: Nội dung thực hiện (Cột 4): Tên hạng mục công trình, dự án, tên tiêu chí (giao thông, thủy lợi, chợ, trường học....) thực hiện trên địa bàn xã